

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

**Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu**

(Tiếp theo Công báo số 1065 + 1066)

Chương XIV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 143. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 12 như sau:

“1. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, theo danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định này;
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể;
- Điều kiện đặt hàng khác theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có).

2. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác, theo danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

b) Nhà cung cấp đáp ứng một hoặc một số yêu cầu về: năng lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, giải pháp thực hiện, trình độ quản lý và đội ngũ nhân sự để đảm bảo đáp ứng được chất lượng, tiến độ và hiệu quả đặt hàng. Ngoài ra, đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện là nhà cung cấp dịch vụ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật ngành, lĩnh vực;

c) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực độc quyền Nhà nước sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về thương mại và quy định khác của pháp luật có liên quan hoặc nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đã được giao quyền sử dụng đất và giao tài sản gắn liền với đất để phục vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công hoặc có nhà cung cấp nhận đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo đáp ứng được chất lượng, tiến độ và hiệu quả đặt hàng;

d) Điều kiện đặt hàng khác theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có).”.

2. Bổ sung Điều 13a vào sau Điều 13 như sau:

“Điều 13a. Quy trình đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Trường hợp đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, quy trình đặt hàng như sau:

a) Xác định đơn giá, giá đặt hàng:

Đơn giá, giá đặt hàng do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá quyết định để làm cơ sở phê duyệt quyết định đặt hàng;

b) Cơ quan đặt hàng phê duyệt quyết định đặt hàng đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2. Trường hợp đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác, quy trình đặt hàng như sau:

a) Lập và phê duyệt phương án đặt hàng:

Cơ quan đặt hàng lập, ban hành quyết định phê duyệt phương án đặt hàng. Phương án đặt hàng bao gồm các nội dung cơ bản sau: tên dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng; dự kiến số lượng, khối lượng dịch vụ; chất lượng dịch vụ; thời gian triển khai và thời gian hoàn thành; dự toán đặt hàng; các yêu cầu cụ thể tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định này đối với nhà cung cấp; nội dung khác về đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng ngành, lĩnh vực cụ thể hoặc nội dung đặt hàng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).

Nội dung cụ thể của phương án đặt hàng do cơ quan đặt hàng quyết định đảm bảo đáp ứng được chất lượng, tiến độ và hiệu quả đặt hàng;

b) Xác định nhà cung cấp nhận đặt hàng:

Cơ quan đặt hàng xác định một nhà cung cấp nhận phương án đặt hàng; không phải đánh giá các yêu cầu cụ thể đối với nhà cung cấp theo phương án đặt hàng trước khi gửi phương án đặt hàng cho nhà cung cấp.

Nhà cung cấp gửi văn bản đăng ký nhận đặt hàng kèm theo hồ sơ năng lực. Trường hợp năm tiếp theo nhà cung cấp vẫn đăng ký nhận đặt hàng thì nhà cung cấp phải cam kết đảm bảo đáp ứng các điều kiện đặt hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này trong văn bản đăng ký đặt hàng và không phải gửi lại hồ sơ năng lực nhưng phải cập nhật các nội dung có thay đổi (nếu có).

Cơ quan đặt hàng chịu trách nhiệm xác định nhà cung cấp nhận đặt hàng đáp ứng phương án đặt hàng;

c) Xác định đơn giá, giá đặt hàng:

Đơn giá, giá đặt hàng do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá quyết định để làm cơ sở ký hợp đồng đặt hàng;

d) Cơ quan đặt hàng và nhà cung cấp ký kết hợp đồng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

Đối với dịch vụ sự nghiệp công đáp ứng điều kiện đặt hàng theo quy định tại Nghị định này mà cơ quan đặt hàng quyết định không áp dụng hình thức này thì được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. Đặt hàng nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, theo danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

b) Nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đáp ứng một hoặc một số yêu cầu về: năng lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ

kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ nhân sự để đảm bảo đáp ứng được chất lượng, tiến độ và hiệu quả đặt hàng. Ngoài ra, đối với nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện phải là nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

c) Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc lĩnh vực độc quyền Nhà nước sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về thương mại và quy định khác của pháp luật có liên quan hoặc nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đã được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hoặc được giao quyền sử dụng đất và giao tài sản gắn liền với đất để phục vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc có nhà sản xuất nhận đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đảm bảo đáp ứng được chất lượng, tiến độ và hiệu quả đặt hàng.”.

5. Bổ sung Điều 18a vào sau Điều 18 như sau:

“Điều 18a. Quy trình đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Lập và phê duyệt phương án đặt hàng:

Cơ quan đặt hàng lập, ban hành quyết định phê duyệt phương án đặt hàng. Phương án đặt hàng bao gồm các nội dung cơ bản sau: tên sản phẩm, dịch vụ công ích đặt hàng; dự kiến số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ; chất lượng sản phẩm, dịch vụ; thời gian triển khai và thời gian hoàn thành; dự toán đặt hàng; các yêu cầu cụ thể tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định này đối với nhà cung cấp; nội dung khác về đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng ngành, lĩnh vực cụ thể hoặc nội dung đặt hàng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).

Nội dung cụ thể của phương án đặt hàng do cơ quan đặt hàng quyết định đảm bảo đáp ứng được chất lượng, tiến độ và hiệu quả đặt hàng.

2. Xác định nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích nhận đặt hàng:

a) Cơ quan đặt hàng xác định một nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích nhận phương án đặt hàng; không phải đánh giá các yêu cầu cụ thể đối với nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương án đặt hàng trước khi gửi phương án đặt hàng cho đơn vị này;

b) Nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích gửi văn bản đăng ký nhận đặt hàng kèm theo hồ sơ năng lực. Trường hợp năm tiếp theo nhà sản xuất,

cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích vẫn đăng ký nhận đặt hàng thì nhà cung cấp phải cam kết đảm bảo đáp ứng các điều kiện đặt hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này trong văn bản đăng ký đặt hàng và không phải gửi lại hồ sơ năng lực nhưng phải cập nhật các nội dung có thay đổi (nếu có);

c) Cơ quan đặt hàng chịu trách nhiệm xác định nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích nhận đặt hàng đáp ứng phương án đặt hàng.

3. Xác định đơn giá, giá đặt hàng:

Đơn giá, giá đặt hàng do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá quyết định để làm cơ sở ký hợp đồng đặt hàng.

4. Cơ quan đặt hàng và nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích ký kết hợp đồng đặt hàng.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích

Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích đáp ứng điều kiện đặt hàng theo quy định tại Nghị định này mà cơ quan đặt hàng quyết định không áp dụng hình thức này thì được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.”.

7. Bãi bỏ khoản 9 và khoản 10 Điều 3 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

8. Bãi bỏ cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

9. Bãi bỏ khoản 5 Điều 12 và khoản 6 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 144. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, chủ đầu tư được điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt để thực hiện theo quy định của Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định này.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng, trường hợp đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư được điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt để thực hiện theo quy định của Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định này.

2. Các gói thầu đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và đã mở thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

3. Các gói thầu đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa đóng thầu thì chủ đầu tư xem xét, quyết định lựa chọn theo một trong hai cách như sau:

a) Tiếp tục mở thầu và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hủy thông báo mời thầu, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển và sửa đổi kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu cần thiết), hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này.

4. Trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và các quy định của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 17/2025/NĐ-CP), văn bản hướng dẫn có liên quan còn phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15).

5. Trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thực hiện như sau:

a) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu được lập phù hợp với quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này và được đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi phát hành thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu;

b) Hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu và bảo lãnh dự thầu được đính kèm, ký số và nộp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia làm cơ sở để đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu và bảo lãnh dự thầu; việc sửa

lỗi, hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại Điều 31 và Điều 68 của Nghị định này. Các thông tin gồm: giá dự thầu; giá trị giảm giá (nếu có); hiệu lực của hồ sơ dự thầu; thời gian thực hiện gói thầu; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu được kê khai trong biểu mẫu khi nộp hồ sơ dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để trích xuất thông tin trong biên bản mở thầu;

c) Đến thời điểm mở thầu, chủ đầu tư sử dụng chứng thư số để mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và không tổ chức lễ mở thầu. Biên bản mở thầu được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

d) Việc lập thỏa thuận liên danh, làm rõ các nội dung trong đấu thầu, gửi và nhận đơn kiến nghị được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Đối với sản phẩm, dịch vụ công đã có quyết định đặt hàng, ký hợp đồng đặt hàng trước ngày Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này) có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP cho đến khi hoàn thành thanh toán, quyết toán kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

Việc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên đã được giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm dự toán năm trước được chuyển nguồn sang năm 2025, dự toán được bổ sung năm 2025) nhưng chưa có quyết định đặt hàng, chưa ký hợp đồng đặt hàng thì cơ quan đặt hàng được quyết định việc tiếp tục áp dụng theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP hoặc quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này).

7. Đối với việc mua sắm tập trung cấp địa phương, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp được sử dụng các thỏa thuận khung, đơn giá của các đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp theo nguyên tắc áp dụng thỏa thuận khung có số lượng nhiều nhất hoặc thời hạn hiệu lực còn dài nhất và không bị giới hạn về số lượng áp dụng cho đến khi có kết quả mua sắm tập trung mới của đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp.

8. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 được thực hiện như sau:

a) Nhà thầu đang bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh trước khi sắp xếp thì tiếp tục bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp đến khi hết thời gian cấm được ghi trong Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu;

b) Nhà thầu đang bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì tiếp tục bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp có toàn bộ hoặc một phần diện tích tự nhiên của đơn vị hành cấp xã trước sắp xếp thuộc đơn vị hành chính cấp huyện mà nhà thầu bị cấm đến khi hết thời gian cấm được ghi trong Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu;

c) Nhà thầu đang bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã trước khi sắp xếp thì tiếp tục bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp có toàn bộ hoặc một phần diện tích tự nhiên của đơn vị hành cấp xã trước sắp xếp mà nhà thầu đã bị cấm đến khi hết thời gian cấm được ghi trong Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu;

d) Đối với các Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền và cơ quan, đơn vị không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này, nhà thầu đang bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn hoặc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị trước khi thực hiện sắp xếp thì tiếp tục bị cấm trên địa bàn hoặc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị hình thành sau sắp xếp đến khi hết thời gian cấm được ghi trong Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu.

Điều 145. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các Nghị định và các điều khoản sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu);

b) Khoản 5 Điều 13 và khoản 3 Điều 14 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu được xác định theo quy định của pháp luật thương mại về cách thức xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Việc xác định thuốc sản xuất trong nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 của Nghị định này có hiệu lực cho đến khi pháp luật thương mại có quy định về cách thức xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.

4. Việc công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu, chất lượng hàng hóa đã được sử dụng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định này được thực hiện đối với các gói thầu tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15).

5. Việc xác định danh mục, yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật của gói thầu mua sắm thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ cho việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật chưa có quy định, chủ đầu tư quyết định việc thành lập hội đồng hoặc giao một đơn vị trực thuộc để lựa chọn danh mục, yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyên môn.

Điều 146. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện các điều, khoản được giao theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15), Nghị định này và các nội dung cần thiết khác để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đấu thầu;

b) Tổng hợp, quản lý cơ sở dữ liệu về nhà thầu; chất lượng hàng hóa đã được sử dụng; nhà thầu không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu, nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu, nhà thầu bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu và các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm khác; danh sách nhà thầu nước ngoài trúng thầu;

c) Ban hành mẫu hồ sơ, tài liệu về lựa chọn nhà thầu; hướng dẫn về quản lý và sử dụng các chi phí trong lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

d) Chỉnh sửa các tính năng, biểu mẫu dưới dạng webform trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để bảo đảm phù hợp với quy trình, kỹ thuật đấu thầu qua mạng, tăng cường tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, bảo đảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đấu thầu.

2. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn thực hiện việc lựa chọn nhà thầu, các biện pháp thi hành Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này trong phạm vi quản lý của mình;

b) Ban hành mẫu hồ sơ lựa chọn nhà thầu đối với thuốc;

c) Hướng dẫn về nguyên tắc, tiêu chí, tổng hợp nhu cầu để lập danh mục thuốc mua sắm tập trung; thời hạn tổng hợp danh mục, thời gian ban hành danh mục; thời gian dự kiến tổ chức lựa chọn nhà thầu, thời gian dự kiến công khai thông tin về thỏa thuận khung, hợp đồng trong mua sắm tập trung;

d) Hướng dẫn về phân nhóm thiết bị y tế theo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng.

3. Các bộ ban hành quy định, chương trình, hoạt động thúc đẩy dân nhân, xây dựng, hoàn thiện quy trình đối với nhãn năng lượng; nhãn bông sen xanh; nhãn nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, nông nghiệp các-bon thấp; nhãn cho các loại vật liệu xây dựng, sản phẩm vật liệu xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng để thực hiện kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, làm cơ sở áp dụng ưu đãi trong đấu thầu theo quy định tại Nghị định này.

4. Định kỳ hằng năm, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà